

Bảng dữ liệu an toàn
theo 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in: VN – 26.01.2023

Sửa đổi / Ngày: v2.1 – 26.01.2023

PHẦN 1:
Xác định chất/hỗn hợp và Công ty/Cam kết

1.1 Định danh sản phẩm

Tên thương mại: **DEK PRO**

UFI: 7200-U0CW-500J-QNYV

Số thông số kỹ thuật sản phẩm + Mã sản phẩm:

Đề cập đến DEK Hàng tiêu dùng thương hiệu:

Phần No.: 173483/03129706-01 (1 Litre)

Phần No.: 173485/03129708-01 (5 Litres)

Phần No.: 431093/03130223-01 (20 Litres)

Số Bảng dữ liệu an toàn: **ASM TSDS 005 v2.1 VN**

1.2 Các cách sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và các cách sử dụng được khuyến cáo không nên:

Không có thêm thông tin liên quan có sẵn.

Ứng dụng của chất/hỗn hợp: **Chất làm sạch/Chất làm sạch**

1.3 Thông tin chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn Nhà sản xuất/Nhà cung cấp:

ASMP T GmbH & Co. KG

Rupert-Mayer-Strasse 48

81379 Munich, Đức

Web: <https://psp.smt.asmpt.com/en/>

Mail: gsc.printing@asm-smt.com

Bộ phận thông báo:

Điện thoại: +44 1305 208661

1.4 Số điện thoại khẩn cấp:

Số điện thoại: +49 (0) 841 63523

Bürozeiten / Giờ làm việc: 09:00-15:00 CET Thứ Hai đến Thứ Sáu

PHẦN 2: Nhận dạng các mối nguy hiểm

2.1 Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Phân loại theo Quy định (EC) số 1272/2008



GHS07

Kích ứng da. 2 H315 Gây kích ứng da.

Gây kích ứng mắt.2

H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Bảng dữ liệu an toàn
theo 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in: VN – 26.01.2023

Sửa đổi / Ngày: v2.1 - 26.01.2023

Tên thương mại: **DEK Pro**

(Còn tiếp từ Trang 1)

2.2 Các yếu tố nhân**Ghi nhãn theo Quy định (EC) số 1272/2008**

Sản phẩm được phân loại và dán nhãn theo quy định CLP.

Biểu đồ cảnh báo nguy cơ

GHS07

Từ tín hiệu: Cảnh báo**Các thành phần xác định mối nguy của ghi nhãn:** 1-butoxypropan-2-ol**Báo cáo nguy hiểm**

H315 Gây kích ứng da.

H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Các báo cáo để phòng

P280 Mang găng tay bảo vệ/kính bảo vệ mắt.

P305 + P351 + P338 NẾU VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Gỡ kính áp tròng, nếu có để dễ dàng xử lý.

Tiếp tục rửa với nước.

P302 + P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều nước.

2.3 Các mối nguy hiểm khác**Kết quả đánh giá PBT và vPvB****PBT:** Không áp dụng.**vPvB:** Không áp dụng**PHẦN 3: Thành phần/Thông tin của các thành phần****3.2 Đặc tính hóa học:** Hỗn hợp**Mô tả:** Hỗn hợp của các chất với các chất bổ sung không nguy hiểm.

Các thành phần nguy hiểm:			
CAS: 5131-66-8 EINECS: 225-878-4 Reg.nr.: 01-2119475527-28-X		1-butoxypropan-2-ol Kích ứng da. 2 H315 Gây kích ứng mắt. 2, H319	>50%

SVHC: Không có**Thông tin bổ sung:** Để biết từ ngữ của các cụm từ nguy hiểm được liệt kê, hãy tham khảo Phần 16.

(Còn tiếp trên Trang 3)

Bảng dữ liệu an toàn
theo 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in: VN – 26.01.2023

Sửa đổi / Ngày: v2.1 - 26.01.2023

Tên thương mại: DEK Pro

(Còn tiếp từ Trang 2)

PHẦN 4: Các biện pháp sơ cứu**4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu****Thông tin chung:**

Đưa những người bị ảnh hưởng ra nơi có không khí trong lành. Cởi bỏ ngay quần áo bị dính sản phẩm.

Sau khi hít phải: Ra hít thở không khí trong lành; tham khảo ý kiến bác sĩ khi thấy khó chịu.

Sau khi tiếp xúc với da:

Cởi bỏ ngay quần áo bị dính sản phẩm.

Rửa sạch ngay lập tức bằng nước và xà bông.

Tìm kiếm điều trị y tế.

Sau khi tiếp xúc với mắt:

Rửa mắt mở trong vài phút dưới vòi nước chảy. Nếu các triệu chứng vẫn tiếp tục, hãy hỏi ý kiến bác sĩ.

Sau khi nuốt:

Nếu nuốt phải, không gây nôn: đến bác sĩ ngay lập tức và xuất trình hộp đựng hoặc nhãn này.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, cả cấp tính và biểu hiện chậm:

Không có thêm thông tin liên quan

4.3 Các dấu hiệu về bất kỳ sự chăm sóc y tế tức thời nào và điều trị đặc biệt cần thiết:

Không có thêm thông tin liên quan có sẵn.

PHẦN 5: Các biện pháp chữa cháy**5.1 Phương tiện chữa cháy****Các chất chữa cháy thích hợp:**

Sương mù nước,

Carbon dioxide,

Bột chữa cháy,

Bột chống cùn.

Vi lý do an toàn, các chất chữa cháy không phù hợp: Nước đầy tia.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt phát sinh từ hóa chất hoặc hỗn hợp:

Có thể hình thành khí độc trong quá trình sưởi ấm hoặc trong trường hợp hỏa hoạn.

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Thiết bị bảo hộ: Mang thiết bị bảo vệ đường hô hấp kín.

Phần 6: Biện pháp báo cáo tai nạn**6.1 Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp**

Mặc quần áo bảo hộ.

Đảm bảo thông gió đầy đủ

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Không cho phép xuyên qua mặt đất/đất.

Không cho phép đi vào cống rãnh/nước mặt hoặc nước ngầm.

Không được phép đi vào rãnh/nước mặt hoặc nước ngầm.

Hấp thụ với vật liệu liên kết chất lỏng (cát, diatomit, chất kết dính axit, chất kết dính đa năng, mùn cưa).

Vứt bỏ vật liệu bị ô nhiễm thành chất thải theo mục 13.

6.4 Tham khảo các phần khác

Xem Phần 7 để biết thông tin về cách xử lý an toàn.

Xem Phần 8 để biết thông tin về thiết bị bảo vệ cá nhân.

Xem Phần 13 để biết thông tin về việc thải bỏ.

(Còn tiếp trên Trang 4)

Bảng dữ liệu an toàn
theo 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in: VN – 26.01.2023

Sửa đổi / Ngày: v2.1 - 26.01.2023

Tên thương mại: DEK Pro

(Còn tiếp từ Trang 3)

PHẦN 7: Xử lý và Bảo quản**7.1 Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn**

Các biện pháp phòng ngừa thông thường phải được tuân thủ khi xử lý hóa chất

7.2 Các điều kiện để bảo quản an toàn, bao gồm mọi điều kiện xung khắc Kho**Các yêu cầu phải đáp ứng đối với nhà kho và kho chứa hàng:**

Bảo quản ở điều kiện khô ráo, thoáng mát trong hộp kín.

Thông tin về lưu trữ trong một cơ sở lưu trữ chung:

Không yêu cầu.

Thông tin thêm về điều kiện bảo quản:

Giữ thùng chứa kín.

Bảo quản ở điều kiện khô ráo, thoáng mát trong bao bì kín.

7.3 (Các) mục đích sử dụng cuối cùng cụ thể: Không có thêm thông tin liên quan.**PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân**

Thông tin bổ sung về thiết kế cơ sở vật chất kỹ thuật: Không có thêm dữ liệu; xem Phần 7.

8.1 Các thông số kiểm soát

Các thành phần có giá trị giới hạn yêu cầu giám sát tại nơi làm việc:

Sản phẩm không chứa bất kỳ số lượng vật liệu liên quan nào có giá trị tới hạn phải được giám sát tại nơi làm việc.

DNELs		
5131-66-8 1-butoxypropan-2-ol		
Miệng	Hệ thống DNEL. ảnh hưởng (lâu dài)	8,75 mg/kg KG/Thẻ (Người tiêu dùng)
Da	Hệ thống DNEL. ảnh hưởng (lâu dài)	16,0 mg/kg KG/Thẻ (Người tiêu dùng)
		44,0 mg/kg KG/Thẻ (Người lao động)
Gây độc	Hệ thống DNEL. Hiệu ứng (lâu dài)	33,8 mg /m ³ KG/Thẻ (Người tiêu dùng)
		270.5 mg/m ³ KG/Thẻ (Công nhân)
PNECs		
5131-66-8 1-butoxypropan-2-ol		
PNEC aqua (marine water)		0.0525 mg/l
PNEC (STP)		10 mg/l
PNEC trầm tích (nước ngọt)		0.0525 mg/l

Thông tin bổ sung: Các danh sách hợp lệ trong quá trình lập được sử dụng làm cơ sở.

(Còn tiếp trên Trang 5)

Bảng dữ liệu an toàn
theo 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in: VN – 26.01.2023

Sửa đổi / Ngày: v2.1 - 26.01.2023

Tên thương mại: **DEK Pro**

(Còn tiếp từ Trang 4)

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm**Kiểm soát kỹ thuật phù hợp:** Không có thêm dữ liệu; xem mục 7.**Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo vệ cá nhân****Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh chung:**

Phải tuân thủ các biện pháp phòng ngừa thông thường khi xử lý hóa chất. Ngay lập tức cởi bỏ tất cả quần áo bẩn và bị ô nhiễm

Tránh tiếp xúc với mắt và da.

Bảo vệ đường hô hấp: Không cần thiết nếu phòng được thông gió tốt.**Bảo vệ tay:**

Chất liệu của găng tay phải không thấm nước và chịu được sản phẩm/chất/chế phẩm.

Lựa chọn chất liệu găng tay dựa trên thời gian thâm nhập, tốc độ khuếch tán và sự suy giảm

Chất liệu của găng tay

Cao su nitrile, NBR

Việc lựa chọn găng tay phù hợp không chỉ phụ thuộc vào chất liệu, mà còn phụ thuộc vào các nhãn hiệu chất lượng khác nhau và khác nhau giữa các nhà sản xuất. Vì sản phẩm do hợp chất tạo thành, nên không thể tính trước điện trở của vật liệu làm găng tay và do đó phải được kiểm tra trước khi ứng dụng.

Thời gian thâm nhập của vật liệu găng tay

Thời gian xuyên thủng chính xác được xác định bằng cách sản xuất găng tay bảo hộ và phải được quan sát.

Bảo vệ mắt: Nên sử dụng kính bảo hộ nếu có khả năng chất lỏng bắn vào.**PHẦN 9: Tính chất vật lý và hóa học****9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học**

Thông tin chung	
Tình trạng thể chất:	Dịch
Màu sắc:	Không màu
Mùi:	Loại cụ thể
Ngưỡng của mùi hương:	Không xác định
Điểm nóng chảy/điểm đông đặc:	< - 20 °C
Điểm sôi hoặc điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	100 - 171 °C
Tính dễ cháy:	Không áp dụng
Giới hạn nổ dưới và trên	Không xác định
Điểm nổ:	67 °C
Nhiệt độ tự bốc cháy	Sản phẩm không tự bốc cháy.
Nhiệt độ phân hủy	Không xác định
Độ nhớt pH	Trung tính
Độ nhớt động học	Không xác định
Năng động	Không xác định
Độ hòa tan trong nước:	Có thể trộn lẫn một phần
Hệ số phân tán n-octanol/nước (giá trị log):	
Áp suất hơi ở 20 °C:	3 hPa
Mật độ và/hoặc mật độ tương đối	
Mật độ ở 20 °C:	0.89 +/- 0.02 g/cm ³ (DIN 51757)
Mật độ tương đối:	Không xác định
Mật độ hơi:	Không xác định

(Còn tiếp trên Trang 6)

Bảng dữ liệu an toàn
theo 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in: VN – 26.01.2023

Sửa đổi / Ngày: v2.1 - 26.01.2023

Tên thương mại: **DEK Pro**

(Còn tiếp từ Trang 5)

9.2 Thông tin khác

Về bề ngoài:	
Thế:	Lỏng
Thông tin quan trọng về bảo vệ sức khỏe, môi trường và an toàn	
Nhiệt độ bốc cháy:	Không xác định
Đặc tính nổ:	Sản phẩm không có nguy hiểm nổ.
Thay đổi điều kiện	
Tốc độ bay hơi:	Không xác định,
Thông tin liên quan đến các loại nguy cơ vật lý	
Chất nổ	Vô hiệu
Khí dễ cháy	Vô hiệu
Khí oxy hóa	Vô hiệu
Khí chịu áp lực	Vô hiệu
Chất lỏng dễ cháy	Vô hiệu
Chất rắn dễ cháy:	Vô hiệu
Các chất và hỗn hợp tự phản ứng:	Vô hiệu
Chất lỏng pyrophoric:	Vô hiệu
Chất rắn pyrophoric:	Vô hiệu
Các chất và hỗn hợp tự nhiệt	Vô hiệu
Các chất và hỗn hợp phát ra khí dễ cháy khi tiếp xúc với nước.	Vô hiệu
Chất lỏng oxy hóa:	Vô hiệu
Chất rắn oxy hóa:	Vô hiệu
Peroxit hữu cơ:	Vô hiệu
Ăn mòn kim loại:	Vô hiệu
Chất nổ giải mẫn cảm:	Vô hiệu

(Còn tiếp trên Trang 7)

Bảng dữ liệu an toàn
theo 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in: VN – 26.01.2023

Sửa đổi / Ngày: v2.1 - 26.01.2023

Tên thương mại: DEK Pro

(Còn tiếp từ Trang 6)

PHẦN 10: Tính ổn định và khả năng phản ứng**10.1 Khả năng phản ứng** Không có thêm thông tin liên quan.**10.2 Tính ổn định hóa học****Phân hủy nhiệt/các điều kiện cần tránh:**

Lưu giữ ở nơi mát mẻ. Nhiệt sẽ làm tăng áp suất và có thể dẫn đến nổ bình chứa.

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm: Không có phản ứng nguy hiểm nào được biết.**10.4 Các điều kiện cần tránh:** Không có thêm thông tin liên quan.**10.5 Vật liệu không tương thích:** Bảo quản tránh xa các tác nhân oxy hóa.**10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm:**

Không có trong trường hợp mục đích sử dụng và lưu trữ phù hợp với hướng dẫn.

Thông tin bổ sung: Có thể chưng cất mà không bị phân hủy ở áp suất thường.**PHẦN 11: Thông tin về độc tính****11.1 Thông tin về các loại nguy hiểm như được định nghĩa trong Quy định (EC) số 1272/2008****Độc tính cấp:** Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Giá trị LD/LC50 có liên quan đến phân loại:		
5131-66-8 1-butoxypropan-2-ol		
Miệng	LD50	3300 mg/kg (rat)
Da	LD50	> 2000 mg/kg (rat)

Ăn mòn/kích ứng da:

Phơi nhiễm nhiều lần có thể gây ra khô hay nứt da.

Gây kích ứng da.

Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng:

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Nhạy cảm đường hô hấp hoặc da:

Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Tính gây đột biến tế bào mầm:

Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Khả năng gây ung thư:

Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Độc tính sinh sản:

Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

STOT-phơi nhiễm đơn lẻ:

Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Tiếp xúc lặp lại STOT:

Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Khát vọng nguy hiểm:

Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

11.2 Thông tin về các loại nguy hiểm**Độc tính gây rối loạn nội tiết:**

Không có thành phần nào được liệt kê.

(Còn tiếp trên Trang 8)

Bảng dữ liệu an toàn
theo 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in: VN – 26.01.2023

Sửa đổi / Ngày: v2.1 - 26.01.2023

Tên thương mại: **DEK Pro**

(Còn tiếp từ Trang 7)

Phần 12: Thông tin về sinh thái**12.1 Độc tính**

Độc tính thủy sinh:	
5131-66-8 1-butoxypropan-2-ol	
LD50/96h (tính)	> 560 - 1000 mg/l (Poecilia reticulata)
EC50/48h (tính)	> 1000 mg/l (daphnia magna)
EC50/96h (tính)	> 1000 mg/l (selenastrum capricornutum)

12.2 Tính bền và khả năng phân hủy: Không có thêm thông tin liên quan.**12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học:** Không có thêm thông tin liên quan.**12.4 Tính di động trong đất:** Không có thêm thông tin liên quan.**Thông tin sinh thái bổ sung:****12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB****PBT:** Not applicable.**vPvB:** Không áp dụng.**12.6 Đặc tính phá vỡ nội tiết:**

Sản phẩm không chứa các chất có đặc tính gây rối loạn nội tiết.

12.7 Các tác dụng phụ khác**Thông tin sinh thái bổ sung:****Lưu ý chung: Mức độ**

nguy hiểm của nước 1 (Quy định của Đức) (Tự đánh giá): hơi nguy hiểm đối với nước.

Không để sản phẩm chưa pha loãng hoặc lượng lớn tiếp xúc với nước ngầm, dòng nước hoặc hệ thống nước thải.

Phần 13 cân nhắc xử lý**13.1 Các phương pháp xử lý chất thải****Khuyến nghị:** Việc thải bỏ phải được thực hiện theo quy định chính thức.**(Các) bao bì không sạch:****Khuyến nghị:** Việc thải bỏ phải được thực hiện theo quy định chính thức.**Các chất làm sạch được đề xuất:** Nước, nếu cần, cùng với các chất làm sạch.**PHẦN 14: Thông tin vận tải**

14.2 Tên vận chuyển thích hợp của LHQ ADR, ADN, IMDG, IATA	Vô hiệu
14.3 (Các) loại nguy hiểm khi vận chuyển ADR, ADN, IMDG, IATA	Vô hiệu
14.4 Nhóm đóng gói ADR, IMDG, IATA	Vô hiệu
14.5 Mối nguy môi trường: Ô nhiễm môi trường biển:	Không có. Số
14.6 Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng:	Không
14.7 Vận chuyển hàng rời bằng đường biển theo các công cụ của IMO:	Không áp dụng.
Giao thông vận tải/Thông tin bổ sung:	Không nguy hiểm theo các thông số kỹ thuật trên.
"Quy chế mẫu" của LHQ:	Vô hiệu

(Còn tiếp trên Trang 9)

Bảng dữ liệu an toàn
theo 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in: VN - 26.01.2023

Sửa đổi: v2.1 - 26.01.2023

Tên thương mại: **DEK Pro**

(Còn tiếp từ Trang 8)

PHẦN 15: Thông tin quy định**15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường dành riêng cho chất hoặc hỗn hợp**
Không có thêm thông tin liên quan có sẵn.**Chỉ thị 2012/18/EU****Các chất nguy hiểm được đặt tên – PHỤ LỤC I:** Không có thành phần nào được liệt kê.**15.2 Đánh giá an toàn hóa chất:** Đánh giá an toàn hóa chất chưa được thực hiện.**PHẦN 16: Thông tin khác**

Thông tin này được dựa trên kiến thức hiện nay của chúng tôi. Tuy nhiên, điều này sẽ không cấu thành sự đảm bảo cho bất kỳ tính năng cụ thể nào của sản phẩm và sẽ không thiết lập một mối quan hệ hợp đồng có giá trị pháp lý.

Các cụm từ có liên quan

H315 Gây kích ứng da nghiêm trọng.

H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Chữ viết tắt và từ viết tắt:

ADR: Hiệp định Châu Âu về Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ
(Hiệp định Châu Âu liên quan đến việc Vận chuyển Quốc tế hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ)
IMDG: Bộ luật Hàng hải Quốc tế về Hàng hóa Nguy hiểm
IATA: Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế
GHS: Hệ thống phân loại và ghi nhãn hóa chất được hài hòa trên toàn cầu
EINECS: Bản kiểm kê của Châu Âu về các chất hóa học thương mại hiện có
ELINCS: Danh sách các chất hóa học được thông báo của Châu Âu
CAS: Dịch vụ tóm tắt hóa học (bộ phận của Hiệp hội Hóa học Hoa Kỳ)
DNEL: Mức không ảnh hưởng bắt nguồn (REACH)
PNEC: Nồng độ Không Ảnh hưởng Dự đoán (REACH)
LC50: Nồng độ gây chết người (độc tính cấp tính), tối đa 50 phần trăm
EC50: Nồng độ hiệu quả (tác động có hại), tối đa 50 phần trăm
PBT: Bền bỉ, tích lũy sinh học và độc hại
SVHC: Các chất rất cần quan tâm
vPvB: rất bền bỉ và rất tích lũy sinh học
Kích ứng da. 2 :: Ăn mòn/kích ứng da - Loại 2
Gây kích ứng mắt. 2: Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt - Loại 2
WEL: Giới hạn tiếp xúc tại nơi làm việc – chỉ dựa trên dữ liệu được xác định trong Vương quốc Anh (GB)

Lịch sử sửa đổi:

v 1.0	Đã chuyển đổi sang mẫu SDS – Tháng 2 năm 2018
v 2.0	Đã cập nhật sang mẫu SDS mới – Tháng 4 năm 2022
v 2.1	Tên công ty được cập nhật – Phần 1.3 – Tháng 1 năm 2023 Cập nhật thương hiệu công ty – tháng 1 năm 2023